

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-12-2021

*“V/v tranh chấp xin ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quốc Thới.

Ông Nguyễn Văn Sol.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước - tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc: “Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1973. (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh C ..

**2. Bị đơn:** Bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1973. (có mặt).

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh C ..

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:**

- Về hôn nhân: Ông T và bà Q chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị Q.

- Về con chung: Có 02 người con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ thu: Không yêu cầu giải quyết.

*\* Bị đơn bà Đỗ Thị Q trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Q và ông T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký theo quy định pháp luật.

Giữa bà và ông T không có mâu thuẫn gì lớn, bà còn yêu thương ông T nên bà không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên tòa:*

- Ông Trần Văn T trình bày: Ông T yêu cầu xin ly hôn với bà Đỗ Thị Q. Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu giải quyết.

- Bà Đỗ Thị Q trình bày: Bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về nội dung vụ án:

[1.1] Về hôn nhân: Vào năm 1989 ông T và bà Q tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Ông T yêu cầu được ly hôn với bà Q do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; bà Q không đồng ý ly hôn do còn thương chồng. Tuy nhiên, việc ông T và bà Q sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị Q không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 02 người con chung đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ thu: Đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc ông Trần Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng được đối trừ với số tiền ông T đã nộp tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị Q.

2. Về con chung: Có 02 người con chung đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ thu: Đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006502 ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, ông T đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hoàng Tuấn**